

Bản án số: 246/2023/HC-PT

Ngày: 31-7-2023

V/v Khiếu kiện quyết định

hành chính trong lĩnh vực

quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Phạm Việt Cường

Các thẩm phán:

Ông Đinh Phước Hòa

Ông Trần Quốc Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 31-7-2023, từ điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến đối với vụ án hành chính thụ lý số 332/2022/TLPT-HC ngày 25-11-2022 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 126/2022/HC-ST ngày 28-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2438/2023/QĐ-PT ngày 03-7-2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

Ông Phan Văn P, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại điểm cầu thành phần.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 12-7-2022 và ngày 22-9-2022):

1. Bà Huỳnh Lê Thị Diệu T, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Số A H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Hà Thị Diên H, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Thị Trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Bùi Đức S, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Số B L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại điểm cầu thành phần.

- Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân thành phố B.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 89/GUQ-UBND ngày 29-6-2022):

Ông Lê Đại T1 - Chức vụ: Phó Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Phạm Văn T2 - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B; địa chỉ: Số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH MTV C.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 05/2022/GUQ-CT ngày 25-7-2022):

Ông Lê Phi O - Chức vụ: Phó Giám đốc; địa chỉ: Số B N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc đất thửa 181, tờ Bản đồ số 17, diện tích 1.214,4 m² tại thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là do gia đình ông Phan Văn P từ miền B vào khai hoang, phát cỏ và tự trồng cây, xây dựng nhà, vị trí tiếp giáp với Công ty TNHH MTV C ở ổn định, không tranh chấp với ai, từ trước năm 1990 cho đến nay. Diện tích đất này, gia đình ông Phan Văn P cũng **không ký kết đất giao khoán** với Nông trường Cà phê V (nay là Công ty TNHH MTV C), không nộp bất kỳ sản lượng gì cho công ty .

Quá trình sử dụng đất, gia đình ông Phan Văn P thực hiện nghĩa vụ thuế cho Nhà đất đầy đủ theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước (Bản gốc các biên lai thuế từ năm 2009 đến nay) và các thông báo nộp thuế của Chi cục thuế thành phố B về việc nộp thuế đất ở tại đô thị đối với diện tích 400 m² thuộc thửa 181, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.214,4 m² tại thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Hộ gia đình ông Phan Văn P không phải là công nhân, cán bộ nhận khoán Công ty TNHH MTV C và không ký hợp đồng nhận khoán cũng không mua bán chuyển nhượng tranh chấp với công ty. Tuy nhiên, ngày 27-01-2021, Công ty TNHH MTV C cung cấp cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B danh sách các hộ nhận khoán Khu Mô tại đội 1, Công ty TNHH MTV C đến thời điểm thu hồi đất thể hiện ông Phan Văn P nhận khoán 0,067 ha của hộ Phan Văn P là trái quy định pháp luật.

Năm 2008, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết Định số 530/QĐ-UBND ngày 06-3-20028 “Về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty TNHH MTV C tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giao cho thành phố B Quản Lý”, trong đó có diện tích đất của gia đình ông Phan Văn P.

Ngày 28-9-2021, UBND thành phố B ban hành Quyết Định số 6870/QĐ-UBND “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B” không bảo đảm quyền lợi của gia đình ông Phan Văn P. Ngày 22-11-2021, UBND thành phố B ban hành Công Văn số 5202/UBND-TTPTQ trả lời ông Phan Văn P.

Vì vậy, ông Phan Văn P khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy một phần Quyết định số 6870/QĐ-UBND ngày 28-9-2021 của UBND thành phố B và buộc UBND thành phố B ban hành lại phương án phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình về đất theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Phan Văn P.

Người bị kiện:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng người bị kiện là UBND thành phố B không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 1161, tại Đội 1, thuộc Công ty TNHH MTV C có diện tích 01 ha, có đường lô (đường giao thông nội đồng) được giao khoán cho bà Phan Thị H1 là công nhận Đội 1 nhận khoán. Sau đó, bà H1 chuyển nhượng cho 3 người, trong đó có ông Phan Văn P nhận 0,067 ha. Ngày 20-4-2007, ông P có làm đơn giao nhận khoán nêu trên, hồ sơ được UBND xã xác nhận ngày 10-10-2007. Tuy nhiên, Giám đốc công ty chưa ký hồ sơ hợp đồng giao khoán với ông Phan Văn P. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 126/2022/HC-ST ngày 28-9-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 55, khoản 3 Điều 57, Điều 78, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 158, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 82 của Luật Đất đai; Mục 4 phần III của Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30-6-2020 của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn P.

- Hủy một phần Quyết Định số 6870/QĐ-UBND ngày 28-9-2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B Ban hành lại Phương án phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình về mục bồi thường về đất đối với ông Phan Văn P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện do ông Phan Văn P rút yêu cầu; quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 21-10-2022, người bị kiện là UBND thành phố B kháng cáo bản án.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, người bị kiện là UBND thành phố B kháng cáo bản án; đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện; người khởi kiện đề nghị bác kháng cáo. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính:

- Bác kháng cáo của người bị kiện; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của đương sự:

[2.1]. Về tố tụng:

“Quyết Định số 6870/QĐ-UBND ngày 28-9-2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B, trong đó có 29 hộ gia đình cá nhân sử dụng đất của Công ty C bị ảnh hưởng” có nội dung “làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân...” nên là quyết định hành chính và là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Ông Phan Văn P cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nên khởi kiện yêu cầu huỷ quyết định này; đồng thời, đề nghị Tòa án buộc UBND thành phố B ban hành lại Phương án phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình về đất theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xác định đơn khởi kiện còn trong thời hiệu, nên thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính và Mục 4 phần III Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30-6-2020 của Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, Tòa án xác định quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” là chưa đúng các yêu cầu khởi kiện. Do ông Phan Văn P có yêu cầu buộc UBND thành phố B ban hành lại Phương án phê duyệt

bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình về đất theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” để giải quyết triệt để vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành triệu tập nhiều lần và có nhiều công văn yêu cầu UBND thành phố B trình bày ý kiến, cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho tính đúng đắn, hợp pháp của quyết định hành chính đã ban hành, nhưng UBND thành phố B không cung cấp và đều vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án. Như vậy, người bị kiện là UBND thành phố B đã vi phạm nghĩa vụ được quy định tại khoản 3 Điều 57, khoản 2 Điều 78 của Luật Tố tụng hành chính. Khoản 3 Điều 57 về Quyền, nghĩa vụ của người bị kiện quy định: *Người bị kiện có các quyền, nghĩa vụ sau đây: ... 3. Chứng minh tính đúng đắn, hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện*” và khoản 2 Điều 78 về Nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh trong tố tụng hành chính quy định: *... 2. Người bị kiện có nghĩa vụ cung cấp cho Tòa án hồ sơ giải quyết khiếu nại (nếu có) và bản sao các văn bản, tài liệu mà căn cứ vào đó để ra quyết định hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh hoặc có hành vi hành chính*”.

Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính.

[2.2]. Về nội dung:

- Về nguồn gốc thửa đất:

Theo ý kiến trình bày của người khởi kiện: Thửa đất số 181, tờ Bản đồ số 17, diện tích 1.214,4 m² tại thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc do gia đình ông Phan Văn P từ miền B vào khai hoang, phát cỏ và tự trồng cây, xây dựng nhà từ năm 1990, có vị trí tiếp giáp với Công ty TNHH MTV C. Sau đó, ở ổn định, không tranh chấp với ai, kể cả với công ty. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, ông Phan Văn P cung cấp Thông báo nộp thuế lần 1 năm 2013 và các biên lai thu thuế nhà, đất; biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thể hiện việc ông Phan Văn P thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH C trình bày: “Nguồn gốc thửa đất số 1161, tại Đội 1, thuộc Công ty TNHH MTV C có diện tích 01 ha, có đường lô (đường giao thông nội đồng) được giao khoán cho bà Phan Thị H1 là công nhận Đội 1 nhận khoán. Sau đó, bà H1 chuyển nhượng cho 3 người, trong đó có ông Phan Văn P nhận 0,067 ha. Ngày 20-4-2007, ông P có làm đơn giao nhận khoán nêu trên, hồ sơ được UBND xã xác nhận ngày 10-10-2007, nhưng Giám đốc công ty chưa ký hồ sơ hợp đồng giao khoán với ông Phan Văn P”. Như vậy, Công ty TNHH C đã xác định là công ty chưa ký kết hợp đồng giao khoán nào với ông Phan Văn P.

Căn cứ Danh sách các hộ nhận khoán tại Khu M tại đội 1 - Công ty TNHH MTV C đến thời điểm thu hồi đất và các văn bản trả lời đơn thư của UBND thành phố B

đối với ông Phan Văn P thể hiện hộ ông Phan Văn P nhận khoán là 0,067 ha tại thửa đất số 1161; các văn bản là Bảng tính chi tiết bồi thường, hỗ trợ Nhà nước khi thu hồi đất và Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 20-5-2021, thì lại xác định diện tích giao khoán của hộ ông Phan Văn P là 1.214 m² là hoàn toàn mâu thuẫn về diện tích có trong trong các tài liệu, chứng cứ mà UBND thành phố xác định diện tích đất giao khoán giữa ông Phan Văn P với Công ty TNHH C.

Như vậy, về nguồn gốc đất bị thu hồi của ông Phan Văn P, mà UBND thành phố B nêu trong Quyết Định số 6870/QĐ-UBND ngày 28-9-2021 và Bảng tính chi tiết bồi thường, hỗ trợ Nhà nước khi thu hồi đất kèm theo xác định, năm 1990, ông Phan Văn P nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cây cà phê với Nông trường Cà phê V (nay là Công ty C), với diện tích 1.214 m² đất bị thu hồi là không có cơ sở để chấp nhận.

- Về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất:

Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013 về Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất quy định: *“Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây: ... 2. Đất được Nhà nước giao để quản lý”*.

Theo Bảng tính chi tiết bồi thường, hỗ trợ Nhà nước khi thu hồi đất xác định nguồn gốc đất, kèm theo Quyết định số 6870/QĐ-UBND ngày 28-9-2021 của UBND thành phố B đối với hộ ông Phan Văn P, thì UBND thành phố B đã căn cứ khoản 2 Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013 để không bồi thường về đất cho ông Phan Văn P là không đúng, bởi lẽ: Tại thời điểm ông Phan Văn P khởi kiện, thì chưa tài liệu, chứng cứ nào thể hiện diện tích đất bị thu hồi của ông Phan Văn P là diện tích giao khoán; trong khi đó, ông P đã làm nhà và ở ổn định từ năm 1990 cho đến thời điểm bị thu hồi đất, quá trình sử dụng đất không xảy ra tranh chấp với ai; đồng thời, Công ty TNHH C biết nhưng không có ý kiến gì. Mặt khác, Chi cục Thuế thành phố B đã ban hành Thông báo nộp thuế lần 1 năm 2013 đối với hộ ông Phan Văn P và ông P đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình với Nhà nước, được thể hiện tại các biên lai thu thuế nhà, đất; biên lai thu thuế sử dụng đất P mà ông P đã cung cấp.

Khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 về Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển Kinh tế - Xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định: *“1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp”*.

Căn cứ quy định nêu trên, thì ông Phan Văn P có đủ điều kiện được bồi thường về đất; do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn P về bồi thường về đất là đúng pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của người bị kiện là UBND thành phố B đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Bác kháng cáo của UBND thành phố B.

- Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 126/2022/HC-ST ngày 28-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn P.

- Hủy một phần Quyết Định số 6870/QĐ-UBND ngày 28-9-2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B Ban hành lại Phương án phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình về mục bồi thường về đất đối với ông Phan Văn P.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

UBND thành phố B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0022521 ngày 04-11-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, nay được chuyển thành án phí; UBND thành phố B đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường